

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ**

Số: 2856 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phố, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng để thực hiện Công trình Di dời công trình công cộng, đoạn qua phường Đức Phố thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường cao tốc Bắc-Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025
Địa điểm: phường Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí từng loại đất, số lượng vị trí trong bảng giá đất; quyết định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường Cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản và mức bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng để phát triển kinh tế - xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức chi bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 144/2026/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ;

Căn cứ Quyết định số 127/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026

Căn cứ Quyết định số 120/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quy định phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành quy định, trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 5759/STC-QLGCS ngày 07/7/2026 về việc Thông báo đơn giá gạo tẻ thường quý II/2026 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-BQL ngày 14/02/2023 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng Công trình: Di dời công trình công cộng đoạn qua thị xã Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 1467/BQLDA2-QNHN ngày 04/9/2026 của Ban Quản lý dự án 2 về việc phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện di dời công trình công cộng đoạn qua địa bàn phường Đức Phổ, Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ bản đồ trích đo địa chính khu đất số 1, 2, 3, 4, 5, 6 được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 16/9/2026 chỉnh lý và biên tập từ các tờ bản đồ địa chính số 3, 24, 53, 54, 57, 135, 144, 150 phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi để phê duyệt phương án bồi thường và lập thủ tục thu hồi đất Công trình Di dời công trình công cộng thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của BQL dự án đầu tư xây dựng các CTGT tại Tờ trình số 582/TTr-BQL ngày 25/9/2026, đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị tại Báo cáo thẩm định số 83/BC-KTHTĐT ngày 8/10/2026 và Tờ trình số 469/TTr-KTHTĐT ngày 09/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thực hiện Công trình Di dời công trình công cộng, đoạn qua phường Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường cao tốc Bắc-Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, Địa điểm: phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Nội dung phương án bồi thường hỗ trợ:

a) Tổng diện tích đất thu hồi : **1.444,7 m²**

Trong đó:

*** Diện tích trong quy hoạch** : **543,3 m²**

Đất nông nghiệp:	:	494,8 m²
- Đất trồng lúa nước (LUC) - (Khu vực 1-Vị trí 1)	:	146,0 m ²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) - (Khu vực 1-Vị trí 1)	:	17,1 m ²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) - (Khu vực 1-Vị trí 2)	:	113,3 m ²
- Đất trồng lúa nước (LUC) - (Khu vực 1-Vị trí 3)	:	160,4 m ²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) - (Khu vực 1-Vị trí 3)	:	58,0 m ²
Đất nông nghiệp cùng thửa đất ở:	:	48,5 m²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) - (Khu vực 1-Vị trí 1)	:	26,2 m ²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) - (Khu vực 1-Vị trí 2)	:	22,3 m ²
* Diện tích đất thu hồi không bồi thường	:	901,4 m²
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK)	:	219,5 m ²
- Đất chuyên trồng lúa (LUC)	:	156,1 m ²
- Đất giao thông (DGT)	:	367,8 m ²
- Đất bằng chưa sử dụng (BCS)	:	8,0 m ²
- Đất trồng cây lâu năm (CLN)	:	70,2 m ²
- Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	:	11,5 m ²
- Đất nghĩa địa (NTD)	:	37,2 m ²
- Đất thủy lợi (DTL)	:	31,1 m ²
b) Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	:	
- Hộ gia đình, cá nhân	:	31
- Tổ chức (UBND phường)	:	01
c) Số nhân khẩu bị ảnh hưởng bởi công trình	:	116
d) Mồ, mã phải di dời	:	Không có
e) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có)	:	Không có
g) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác:	:	381.755.494 đồng
Trong đó:	:	

Mức bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	: 344.700.220 đồng
+ Tiền bồi thường về đất	: 260.876.300 đồng
+ Tiền bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình	: 16.463.260 đồng
+ Tiền bồi thường cây cối	: 12.550.660 đồng
+ Các khoản hỗ trợ	: 54.810.000 đồng
+ Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I*5%):	: 17.235.011 đồng
+ Chi phí dự phòng chi [(Phần I + Phần II)* 5%]:	: 18.096.762 đồng
+ Dự phòng cưỡng chế kiểm điểm, thu hồi đất (Phần II*10%):	: 1.723.501 đồng

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất bị thu hồi. Chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Nghị định 88/2024/NĐ-CP

a) Các trường hợp được bồi thường, hỗ trợ được thể hiện như sau:

TT	Hạng mục	Tổng số trường hợp	Trong đó:	
			Số trường hợp đủ điều kiện	Số trường hợp không đủ điều kiện
1	Bồi thường về đất	31	31	0
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	27	27	0
3	Hỗ trợ đất vườn cùng thửa đất ở	04	04	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	31	31	0
5	Bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu	26	26	0
6	Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc	02	02	0
7	Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã	0	0	0
8	Tái định cư	0	0	0

b) Giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ:

1.	Giá trị bồi thường và hỗ trợ trực tiếp (a+b+c+d):	344.700.220	đồng
a)	Bồi thường, hỗ trợ về đất:	38.676.300	đồng
b)	Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc	16.463.260	đồng
c)	Bồi thường cây cối, hoa màu:	12.550.660	đồng
d)	Hỗ trợ ổn định đời sống:	54.810.000	đồng
e)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	222.200.000	đồng
2.	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần 1*5%):	17.235.011	đồng
3.	Dự phòng chi [(Phần 1 + Phần 2)* 5%]:	18.096.762	đồng
4.	Dự phòng cưỡng chế kiểm điểm, thu hồi đất (Phần 2*10%):	1.723.501	đồng
5.	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ (1+2+3+4) :	381.755.494	đồng

(Bảng chữ: Ba trăm tám mươi một triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng).

c) Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ gia đình, cá nhân: Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn ngân sách nhà nước theo Nghị Quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/02/2022 của Quốc hội.

d) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Quý IV năm 2026.

3. Về tái định cư khi Nhà nước thu đất: Không có.

4. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thông báo cụ thể về thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất, người bị thiệt hại về tài sản.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi

- Phối hợp với UBND phường Đức Phổ phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Bố trí kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được duyệt.

- Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phương án được phê duyệt. Nếu người dân không đến nhận tiền bồi thường đúng hạn, lập danh sách và gửi số tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước.

- Tiếp nhận mặt bằng và tổ chức bàn giao cho đơn vị thi công sau khi hoàn thành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đức Phổ

- Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện phương án bồi thường, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

- Phối hợp với đơn vị bồi thường để tổ chức công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường.

- Báo cáo UBND phường các trường hợp hộ dân chưa nhận tiền bồi thường hoặc có khiếu nại liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Tham mưu UBND phường tổ chức họp dân để giải thích, vận động người dân chấp hành quyết định thu hồi đất.

- Trình UBND phường ban hành quyết định thu hồi đất chính thức sau khi đã hoàn tất chi trả bồi thường.

3. Văn Phòng HĐND và UBND phường Đức Phổ

Tổ chức đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND phường Đức Phổ.

4. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Đối chiếu số tiền bồi thường, hỗ trợ với phương án đã được phê duyệt, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ cần thiết để nhận tiền bồi thường theo quy định.

- Hoàn thành việc di dời tài sản trước thời hạn do cơ quan chức năng thông báo.

- Thực hiện bàn giao đất đúng thời gian quy định sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

- Nếu có căn cứ cho rằng việc bồi thường, hỗ trợ chưa đúng quy định, có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi; Kho bạc Nhà nước Khu vực XV - Phòng Giao dịch số 21 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHTĐT_{Phúc}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc Thìn

PHỤ LỤC**Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho từng hộ gia đình, cá nhân***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ)*

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bị thu hồi (m2)	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng cộng (đồng)
				Đất	Nhà	Công trình	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ khác		
								Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hộ ông Võ Văn Chín và bà Lê Thị Kim Thanh	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	13,4	951.400			800.000	1.417.500	4.757.000	7.925.900
2	Hộ ông Võ Văn Mười và bà Huỳnh Thị Thanh Nga	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	31,5	2.236.500			129.150	1.890.000	11.182.500	15.438.150
3	Hộ ông Lê Văn Dư	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	14,5	1.029.500			49.300	4.725.000	5.147.500	10.951.300
4	Bà Võ Thuý Lài	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	24,2	1.815.000			99.220	1.890.000	9.075.000	12.879.220
5	Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	18	1.350.000			73.800	472.500	6.750.000	8.646.300
6	Hộ ông Huỳnh Cư	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	13,6	1.020.000			55.760	1.890.000	5.100.000	8.065.760
7	Ông Phan Văn Hào	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	25,8	1.935.000			105.780	3.307.500	9.675.000	15.023.280
8	Hộ bà Huỳnh Thị Ánh (chết) con gái Nguyễn Thị Tú Trinh nhận thừa kế	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	12,8	960.000			52.480	945.000	4.800.000	6.757.480
9	Ông Phan Văn Nhạn	Phường Đức Phổ,	25,8							

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bị thu hồi (m2)	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng cộng (đồng)
				Đất	Nhà	Công trình	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ khác		
								Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		tỉnh Quảng Ngãi		1.935.000			105.780	-	9.675.000	11.715.780
10	Hộ bà Nguyễn Thị Chín (chết) con trai Lê Minh Cường	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	25,8	1.754.400			105.780	472.500	8.772.000	11.104.680
11	Hộ ông Nguyễn Thành Long	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	36,4	2.655.800			133.340	1.417.500	13.279.000	17.485.640
12	Ông Võ Nam	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	13,2	897.600			54.120	1.890.000	4.488.000	7.329.720
13	Hộ bà Võ Thị Gia	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	25,3	1.720.400			103.730	945.000	8.602.000	11.371.130
14	Hộ bà Lê Thị Mẫn và ông Nguyễn Văn Chương	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	27,7	1.966.700			288.080	2.362.500	9.833.500	14.450.780
15	bà Nguyễn Thị Anh chồng Lê May (chết)	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	15,7	1.067.600			64.370	945.000	5.338.000	7.414.970
16	Hộ bà Nguyễn Bảo Linh	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	9	612.000			30.600	1.890.000	3.060.000	5.592.600
17	Ông Bùi Văn Cữu và bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	21	1.491.000			800.000	1.890.000	20.160.000	24.341.000
18	Hộ ông Nguyễn Văn Sơn và bà Trần Thị Kim Liệu	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	7,1	504.100			-	1.890.000	2.520.500	4.914.600

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bị thu hồi (m2)	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng cộng (đồng)
				Đất	Nhà	Công trình	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ khác		
								Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
19	Hộ ông Võ Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Ngâu	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	19,1	1.356.100			-	3.307.500	6.780.500	11.444.100
20	Hộ ông Nguyễn Văn Bình và bà Thạch Thị Thúy Trâm	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	18,4	1.251.200			62.560	1.890.000	6.256.000	9.459.760
21	Hộ ông Nguyễn Văn Nghi và bà Nguyễn Thị Xuân Thắm	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	9,2	625.600			37.720	1.417.500	3.128.000	5.208.820
22	Hộ ông Nguyễn Văn Đối	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	1,8	122.400			-	2.835.000	612.000	3.569.400
23	Hộ ông Nguyễn Văn Thịnh	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	16,6	1.128.800			68.060	2.835.000	5.644.000	9.675.860
24	Hộ ông Cao Văn Cứ và bà Nguyễn Thị Cái	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	18,4	1.251.200			75.440	2.835.000	6.256.000	10.417.640
25	Hộ ông Nguyễn Văn Vượng và bà Đỗ Thị Lưu Ly	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	26	1.768.000			106.600	2.835.000	8.840.000	13.549.600
26	Hộ bà Đặng Thị Hiệp và ông Nguyễn Văn Chín	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	24,1	1.638.800			98.810	945.000	8.194.000	10.876.610
27	Bà Phạm Thị Nhi	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	7,7	577.500		3.904.320	26.180	1.417.500	7.392.000	13.317.500
28	Ông Trương Đình Ánh và bà Mai Thị Yến	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	18,5	1.387.500		12.558.940	2.394.000	945.000	17.760.000	35.045.440

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bị thu hồi (m2)	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng cộng (đồng)
				Đất	Nhà	Công trình	Cây cối, hoa màu, vật nuôi	Hỗ trợ khác		
								Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
29	Hộ ông Huỳnh Nhân và bà Lê Thị Kim Hoa	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	4,3	292.400			-	1.890.000	1.462.000	3.644.400
30	Bà Dương Thị Hạnh; ông Tô Trọng Phi; ông Tô Trọng Phú đại diện đồng thừa kế của hộ ông Tô Trọng Tấn và bà Dương Thị Hạnh	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	17,1	1.282.500			6.630.000	472.500	6.412.500	14.797.500
31	Ông Nguyễn Hữu Nghĩa và bà Võ Thị Lan	Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	1,3	92.300				945.000	1.248.000	2.285.300
	Tổng cộng:			38.676.300	-	16.463.260	12.550.660	54.810.000	222.200.000	344.700.220

